

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Tuyết

2. Ông Đỗ Quang Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Phương -Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Kh. – Sinh năm: 1973.Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị H. – Sinh năm: 1977. Vắng mặt.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M., xã Đ., huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 34, ngõ 509/126 Phố V., phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, ông Lê Văn Kh. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: ông Lê Văn Kh. xin ly hôn với bà Lê Thị H.

Về nuôi con chung: có ba con chung Lê Vĩnh S. sinh 07/7/2002; Lê Thị Thanh Th., sinh ngày 20/3/2005 và Lê Thành Th2. sinh 17/5/2016. ông Kh. xin nuôi hai con Lê Thị Thanh Th. và Lê Thành Th2..

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: tự thỏa thuận.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1- 01 Trích lục kết hôn(bản sao).
- 2- Đơn xác nhận tạm trú;
- 3- Sổ hộ khẩu bản phô tô công chứng;
- 4- Chứng minh thư nhân dân phô tô công chứng của bà Lê Thị H. và ông Lê Văn Khuê;
- 5- Giấy khai sinh bản sao công chứng của ba cháu Lê Vĩnh S., Lê Thị Thanh Th. và Lê Thành Th2.;

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – ông Lê Văn Kh. trình bày:

- **Về tình cảm:** ông và bà Lê Thị H. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2001 tại UBND xã Đ., huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm, lối sống không phù hợp và vợ chồng sống ly thân từ lâu , không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng

không cải thiện được nên ông Kh. đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà H..

- **Về con chung:** ông bà có ba con chung: Lê Vĩnh S. sinh 07/7/2002; Lê Thị Thanh Th., sinh ngày 20/3/2005 và Lê Thành Th2. sinh 17/5/2016. ông Kh. xin nuôi hai con Lê Thị Thanh Th. và Lê Thành Th2.. Còn nếu bà H. muốn nuôi cả ba con thì ông cũng đồng ý và ông sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đồng/tháng cho ba cháu.

- **Về tài sản chung:** ông Kh. không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Không có.

Bị đơn: bà Lê Thị H. không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng: Không trình bày quan điểm của mình về việc ông Lê Văn Kh. xin ly hôn; không đến Tòa cũng như tham gia phiên hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của bà Lê Thị H. với nội dung: xin cho thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, giữ gìn hạn phúc gia đình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Ông Lê Văn Kh. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H. ; Về con chung: ông Kh. nhất trí để bà H. nuôi cả ba con chung và ông tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung mỗi cháu là :2.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc hai bên có sự thay đổi về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết; về công nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H. không tham dự phiên tòa mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn Kh. đối với bà Lê Thị H.; Về con chung: Giao ba con chung là cháu Lê Vĩnh S., cháu Lê Thị Thanh Th. và Lê Thành Th2. cho bà H. nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Kh. đóng góp tiền nuôi con là 6.000.000/tháng cho ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông Kh. được quyền chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về công nợ chung: Không có.

Về án phí: ông Kh. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn – ông Lê Văn Kh. đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Lê Thị H.; Căn cứ theo các quy định tại Điều 192 BLTTDS 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân.

[2] Về hôn nhân:

Ông Bùi Văn Kh. và bà Lê Thị H. có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 26/12/001 tại UBND xã Đ., huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo ông Khuê, cuộc sống gia đình hạnh phúc đến tháng 01/2018 phát sinh mâu thuẫn do vợ

chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng luôn va chạm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay ông Kh. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với bà H..

Quá trình giải quyết vụ án, bà H. đã nhận được toàn bộ văn bản tố tụng nhưng bà H. không đến Tòa án, không hợp tác giải quyết vụ án mặc dù tòa án đã đến địa chỉ nhà để lấy lời khai. Tại biên bản trao đổi giữa Tòa án và đại diện tổ dân phố dân phố số 24, phường Khương Đình ngày 07.5.2019, cung cấp: Ông Kh. và bà H. sinh sống tại số nhà 34, ngõ 509/126 Phố V., Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội từ năm 2009, vợ chồng có 03 con chung, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tổ dân phố có khuyên giải hai vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn giữa hai ông bà không thể cải thiện. Ông bà sống ly thân, ông Kh. ở cửa hàng bên cạnh nhà.

Điều này thể hiện hôn nhân của ông bà đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn Khuê; ông Lê Văn Kh. được ly hôn với bà Lê Thị H..

[3] Về nuôi con chung: ông Kh. thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân ba con vẫn do bà H. nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu bà H. muốn nuôi cả ba con ông cũng đồng ý và sẽ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/01 cháu, nếu không ông xin nuôi hai cháu là Lê Thị Thanh Th. và Lê Thành Th2. và không yêu cầu bà H. đóng góp tiền nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển cũng như sự ổn định trong cuộc sống và học tập cũng như nguyện vọng của các cháu muốn ở với bà H. nên giao ba con chung là Lê Vĩnh S. sinh 07/7/2002; Lê Thị Thanh Th., sinh ngày 20/3/2005 và Lê

Thành Th2. sinh 17/5/2016 cho bà Lê Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn Kh. có quyền chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh. đóng góp 2.000.000đồng/ một con chung, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi hai bên có sự thay đổi khác.

[4] Về chia tài sản chung: Ông Kh. không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Văn Kh. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn Kh. đối với bà Lê Thị H., ông Kh. được ly hôn với bà H..

2- Về nuôi con chung: Giao ba con chung là Lê Vĩnh S. sinh 07/7/2002; Lê Thị Thanh Th., sinh ngày 20/3/2005 và Lê Thành Th2. sinh 17/5/2016 cho bà Lê Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh. cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng/01 con chung (hai triệu đồng một tháng cho mỗi con chung) cho đến khi các con đủ 18

tuổi hoặc cho đến khi hai bên có sự thay đổi. Ông Lê Văn Kh. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: ông Lê Văn Kh. không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4- Về án phí: ông Lê Văn Kh. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Kh. đã nộp theo biên lai số 0005808 ngày 26.3.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

5- Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân